



**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

Báo cáo tài chính riêng  
cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh số** 3600495818 ngày 16 tháng 5 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 8 tháng 7 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
Bà Trần Quế Trang	Thành viên
Ông Henry Chung	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
Ông Lê Quang Hải	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015)
Ông Lê Văn Dĩnh	Thành viên (đến ngày 14 tháng 9 năm 2015)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên (từ ngày 14 tháng 9 năm 2015 đến ngày 28 tháng 12 năm 2015)
Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015)

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2016)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 9 năm 2015)

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Lê Văn Hòa	Trưởng ban (từ ngày 1 tháng 6 năm 2016) Thành viên (đến ngày 1 tháng 6 năm 2016)
	Ông Phạm Trung Kiên	Trưởng ban (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Bà Lưu Đặng Mỹ Quỳnh	Thành viên (từ ngày 15 tháng 8 năm 2016)
	Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Ông Lê Quốc Phong	Trưởng ban (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 5 năm 2016) Thành viên (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015) (từ ngày 1 tháng 6 năm 2016 đến ngày 15 tháng 7 năm 2016)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 Phường An Bình Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Bà Trần Quê Trang  
*Tổng Giám đốc*

Tỉnh Đồng Nai, ngày 23 tháng 9 năm 2016



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 9 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 58.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Đạo cáo kiểm toán số: 16-01-110-2



Hà Vũ Đình

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2016

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/7/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>2.315.929.177.714</b>	<b>1.615.453.395.962</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>425.509.868.715</b>	<b>39.236.047.809</b>
Tiền	111		342.909.868.715	10.036.047.809
Các khoản tương đương tiền	112		82.600.000.000	29.200.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.043.314.529.651</b>	<b>856.885.665.558</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	490.534.672.883	398.301.250.950
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	347.860.161.211	377.346.149.810
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	155.000.000.000	77.921.461.456
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	65.698.991.002	13.791.619.557
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(15.779.295.445)	(13.047.162.287)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	2.572.346.072
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>787.825.870.456</b>	<b>699.435.777.259</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>59.278.908.892</b>	<b>14.895.905.336</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	28.015.768.306	13.690.059.755
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.062.376.949	1.205.844.630
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(b)	200.763.637	951
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>2.277.722.769.029</b>	<b>822.059.035.884</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>66.368.071.018</b>	<b>17.658.398.812</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	18.355.071.018	17.648.398.812
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	48.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		13.000.000	10.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>504.199.934.570</b>	<b>571.179.521.518</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	495.461.028.561	562.938.612.340
Nguyên giá	222		1.009.147.652.675	1.032.237.602.621
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(513.686.624.114)	(469.298.990.281)
Tài sản cố định vô hình	227	15	8.738.906.009	8.240.909.178
Nguyên giá	228		21.130.305.431	19.367.881.931
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.391.399.422)	(11.126.972.753)

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/7/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>59.092.428.908</b>	<b>-</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		60.093.995.500	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(1.001.566.592)	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>112.759.800.088</b>	<b>129.151.868.730</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	112.759.800.088	129.151.868.730
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>18</b>	<b>1.408.406.103.384</b>	<b>94.780.144.139</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		1.254.757.767.350	22.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		86.650.962.000	7.200.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		66.997.374.034	77.704.479.384
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(12.124.335.245)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>126.896.431.061</b>	<b>9.289.102.685</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	124.967.727.683	1.873.410.601
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	1.928.703.378	7.415.692.084
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4.593.651.946.743</b>	<b>2.437.512.431.846</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



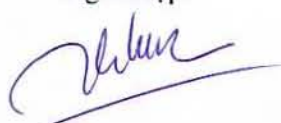
**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND Đã phân loại lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.518.401.399.005</b>	<b>1.523.062.531.825</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.010.606.542.144</b>	<b>1.455.488.732.046</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	242.403.597.786	119.020.649.252
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	9.051.646.999	47.581.790.505
Thuế và các khoản phải nộp				
Ngân sách Nhà nước	313	22(a)	5.122.493.688	20.239.067.632
Phải trả người lao động	314		22.794.188.440	21.615.193.302
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	18.045.838.253	83.407.402.315
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	57.020.635.069	46.300.522.659
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	25(a)	1.634.416.637.203	1.111.333.349.390
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	21.751.504.706	5.990.756.991
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>507.794.856.861</b>	<b>67.573.799.779</b>
Phải trả dài hạn khác	337		109.000.000	532.640.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	25(b)	507.685.856.861	67.041.159.779
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.075.250.547.738</b>	<b>914.449.900.021</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>2.075.250.547.738</b>	<b>914.449.900.021</b>
Vốn cổ phần	411	28	1.295.111.980.000	629.949.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		461.712.700.000	39.817.240.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	154.291.915.117	144.497.938.660
Lợi nhuận chưa phân phối	421		164.133.952.621	100.185.541.361
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		13.966.794.155	2.245.776.787
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		150.167.158.466	97.939.764.574
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.593.651.946.743</b>	<b>2.437.512.431.846</b>

Ngày 23 tháng 9 năm 2016

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín  
Kế toán trưởng



Trần Quế Trang  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

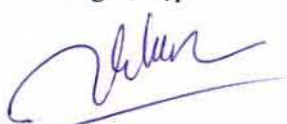
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND Đã phân loại lại
01	32	4.101.071.660.624	2.994.726.669.111
02	32	21.683.821.615	13.957.338.272
10	32	4.079.387.839.009	2.980.769.330.839
11	33	3.611.315.170.577	2.636.738.165.048
20		468.072.668.432	344.031.165.791
21	34	37.040.577.087	47.863.800.898
22	35	81.518.483.171	74.909.648.999
23		74.907.916.977	67.197.422.177
25	36	99.220.470.437	81.477.991.261
26	37	106.808.957.215	113.371.537.738
30		217.565.334.696	122.135.788.691
31	38	6.505.951.311	3.996.774.657
32		2.489.063.434	647.370.000
40		4.016.887.877	3.349.404.657
50		221.582.222.573	125.485.193.348
51	40	40.890.852.207	34.961.120.858
52	40	5.486.988.706	(7.415.692.084)
60		175.204.381.660	97.939.764.574

Ngày 23 tháng 9 năm 2016

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín  
Kế toán trưởng



Trần Quế Trang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>221.582.222.573</b>	<b>125.485.193.348</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		56.010.199.571	50.837.422.530
Các khoản dự phòng	03		(2.621.795.586)	5.249.248.270
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		225.633.513	880.799.429
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(5.767.068.309)	(529.673.126)
Thu nhập tiền lãi	05		(35.586.938.758)	(42.679.200.422)
Thu nhập cổ tức	05		(627.704.000)	(2.223.558.000)
Chi phí lãi vay	06		74.907.916.977	67.197.422.177
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>308.122.465.981</b>	<b>204.217.654.206</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(149.985.072.357)	(150.448.544.346)
Biến động hàng tồn kho	10		(88.390.093.197)	134.754.642.054
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		14.769.836.983	131.074.260.644
Biến động chi phí trả trước	12		(138.774.630.980)	1.030.602.618
			<b>(54.257.493.570)</b>	<b>320.628.615.176</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(71.135.109.345)	(67.549.792.446)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(51.254.227.220)	(26.551.568.782)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(17.029.247.228)	(6.484.961.374)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(193.676.077.363)</b>	<b>220.042.292.574</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(115.018.918.876)	(82.414.029.022)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		90.721.619.643	4.784.965.410
Tiền chi cho các đơn vị khác vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(408.000.000.000)	(351.000.000.000)
Tiền thu từ cho các đơn vị khác vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		287.921.461.456	299.131.109.972
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(280.426.527.300)	(12.487.536.700)
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào các đơn vị khác	26		2.250.000.000	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27		39.189.145.996	28.069.513.800
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(383.363.219.081)</b>	<b>(113.915.976.540)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		61.672.000.000	-
Tiền chi cho chi phí phát hành cổ phiếu	31		(481.000.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33		4.148.389.172.439	2.706.921.157.611
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.184.661.187.544)	(2.782.059.110.310)
Tiền trả cổ tức	36		(61.634.410.300)	(62.910.348.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>963.284.574.595</b>	<b>(138.048.301.199)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>386.245.278.151</b>	<b>(31.921.985.165)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>39.236.047.809</b>	<b>71.157.415.931</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>28.542.755</b>	<b>617.043</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>425.509.868.715</b>	<b>39.236.047.809</b>

Ngày 23 tháng 9 năm 2016

Người lập:



Đỗ Thị Thùy Tiên  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín  
Kế toán trưởng




Trần Quế Trang  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006.

##### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 1.082 nhân viên (1/7/2015: 894 nhân viên).

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Các chi nhánh, văn phòng đại diện và nhà máy khác trực thuộc Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-001 cấp lần đầu ngày 13 tháng 6 năm 2001, thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 9 năm 2015, tại Quốc lộ 22B, Ấp Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-009 cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 23 tháng 9 năm 2015, tại Thôn 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-011 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2014, tại Ấp Thanh Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.

## **Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Chi nhánh Đà Nẵng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-002 cấp lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 2001, thay đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 9 năm 2013, tại số 280 – 282, Đường Lê Thanh Nghị, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Chi nhánh này đã giải thể vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Văn phòng đại diện của Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận văn phòng đại diện số 3600495818-012 ngày 8 tháng 9 năm 2014 tại số 62, Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **(d) Các hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng**

Trong năm, Công ty đã mua lại lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa (“trước đây là Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa”) và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang (“trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang”). Ban Tổng Giám đốc dự kiến rằng Công ty sẽ có thêm thị phần và linh hoạt hơn trong việc đưa ra các chiến lược tài chính sau khi thực hiện các giao dịch mua lại các công ty này. Theo đó, các khoản đầu tư vào các công ty con đã tăng lên đáng kể trong năm.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Không có thay đổi trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng của Công ty do việc áp dụng Thông tư 200.

**4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp cổ phần tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận khoản phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản nợ phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản trả trước cho người bán**

Trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Chính sách kế toán cho dự phòng các khoản phải thu quá hạn của Công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	7 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của quyền sử dụng đất từ 19 năm đến 20 năm.

**(ii) Chi phí phát triển**

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 15 năm.

**(iii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 20 năm
- nhà cửa 20 năm

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê (“Thông tư 45”). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 45 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Trái phiếu thường phát hành**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân bổ theo nghị quyết của các cổ đông tại đại hội cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(p) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

**(q) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo nghị quyết của các cổ đông tại các đại hội cổ đông hàng năm.

**(r) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**5. Báo cáo bộ phận**

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	361.980.226	438.117.702
Tiền gửi ngân hàng	342.547.888.489	8.906.700.107
Tiền đang chuyển	-	691.230.000
Các khoản tương đương tiền	82.600.000.000	29.200.000.000
	<hr/>	<hr/>
	425.509.868.715	39.236.047.809

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	120.935.669.588	211.914.294
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	61.562.172.000	32.699.100.000
Công ty Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	-	31.037.580.000
Công ty Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	136.069.815.000	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	-	46.019.019.851
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	6.710.713.434	164.344.146.994
Các khách hàng khác	165.256.302.861	123.989.489.811
	490.534.672.883	398.301.250.950

**(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngắn hạn	490.534.672.883	398.301.250.950

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	120.935.669.588	211.914.294
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	6.710.713.434	164.344.146.994
Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	26.712.219.100	16.868.245
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	6.006.658	730.308.645
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	-	255.816.511
Công ty TNHH Một thành viên Hải Vi	-	1.112.598.430
Công ty TNHH Một thành viên Thành Thành Công – Gia Lai	-	125.368.655
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	26.620.550	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	8.400.000	-
	<b>154.399.629.330</b>	<b>166.797.021.774</b>

Phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 ngày đến 20 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 360.058 triệu VND (1/7/2015: 342.185 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**8. Trả trước cho người bán**

**(a) Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Global Mind Commodities Trading Pte Limited	220.781.750.000	-
Trả trước cho nông dân trồng mía	112.265.155.091	116.764.394.749
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	164.705.792.455
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	-	26.423.500.992
Các nhà cung cấp khác	33.168.327.138	87.100.860.426
	<b>366.215.232.229</b>	<b>394.994.548.622</b>



**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Trả trước cho người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngắn hạn	347.860.161.211	377.346.149.810
Dài hạn	18.355.071.018	17.648.398.812
	366.215.232.229	394.994.548.622

**(c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	9.007.241.465	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	164.705.792.455
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	-	26.423.500.992
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	103.717.500	83.653.500
	9.110.958.965	191.212.946.947

Khoản trả trước cho các bên liên quan không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm từ 7,5% đến 8,5% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: từ 8,2% đến 8,5%).

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất tháng cố định là 0,8% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 0,9%). Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được thu hồi trong thời hạn từ 1 năm đến 4 năm kể từ ngày giải ngân.

Trong năm, Công ty đã cần trừ 116 tỷ VND khoản trả trước cho và lãi phải thu từ nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 180 tỷ VND).

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu về cho vay**

	<b>Ngày đáo hạn</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/7/2015 VND</b>
Phải thu về cho vay từ các bên liên quan:			
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Tháng 9 năm 2016	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Tháng 9 năm 2016	80.000.000.000	-
Phải thu về cho vay từ các bên thứ ba:			
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Tháng 7 năm 2017	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vital		-	2.921.461.456
		<b>203.000.000.000</b>	<b>77.921.461.456</b>
Ngắn hạn		155.000.000.000	77.921.461.456
Dài hạn		48.000.000.000	-

Phải thu về cho vay hưởng lãi suất năm dao động từ 8,5% đến 11% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: từ 4,75% đến 11%). Các khoản phải thu về cho vay này không được bảo đảm.

**10. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/7/2015 VND</b>
Mua cổ phần chưa nhận số cổ đông	-	6.838.200.700
Phải thu lãi từ nông dân trồng mía	2.575.829.603	2.852.868.841
Tạm ứng cho người lao động	14.008.153.506	2.330.845.599
Đặt cọc ngắn hạn (*)	43.442.229.250	661.500.000
Phải thu khác	5.672.778.643	1.108.204.417
	<b>65.698.991.002</b>	<b>13.791.619.557</b>

(\*) Khoản này chủ yếu bao gồm các khoản đặt cọc để thuê đất trồng mía tại Thành Long, Tỉnh Tây Ninh.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2016				1/7/2015			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn từ trả trước cho nông dân trồng mía</b>								
Nguyễn Minh Đạt	1.548	4.753.149.384	(4.753.149.384)	-	1.183	4.753.149.384	(4.753.149.384)	-
Nguyễn Văn Thanh	-	-	-	-	818	3.749.281.161	(2.658.221.445)	1.091.059.716
Nguyễn Văn Bình	1.184	3.749.281.161	(3.749.281.161)	-	-	-	-	-
Võ Thành Vinh	461	2.222.892.349	(1.111.446.175)	1.111.446.174	-	-	-	-
Lê Văn Hùng	1.183	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-	818	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-
Khác		4.546.875.750	(3.654.523.837)	892.351.913		4.216.947.280	(3.122.156.281)	1.094.790.999
		<u>16.344.349.681</u>	<u>(14.340.551.594)</u>	<u>2.003.798.087</u>		<u>13.791.528.862</u>	<u>(11.605.678.147)</u>	<u>2.185.850.715</u>
<b>Nợ quá hạn từ phải thu của khách hàng</b>								
Công ty TNHH Phước Thịnh	1.673	999.809.072	(999.809.072)	-	1.308	999.809.072	(999.809.072)	-
Xí nghiệp Sản xuất Gia công bao đay Đại Thắng	4.929	315.035.552	(315.035.552)	-	4.564	315.035.552	(315.035.552)	-
Khác		123.899.227	(123.899.227)	-		126.639.516	(126.639.516)	-
		<u>1.438.743.851</u>	<u>(1.438.743.851)</u>	<u>-</u>		<u>1.441.484.140</u>	<u>(1.441.484.140)</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(15.779.295.445)</u>				<u>(13.047.162.287)</u>	

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	66.244.000	-
Nguyên vật liệu	385.684.986.504	54.209.965.390
Công cụ và dụng cụ	17.139.285.445	14.901.818.581
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.785.713.462	38.673.827.576
Thành phẩm	256.431.849.393	579.561.686.615
Hàng hóa	70.596.402.593	12.088.479.097
Hàng gửi đi bán	10.121.389.059	-
	<b>787.825.870.456</b>	<b>699.435.777.259</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 498.080 triệu VND (1/7/2015: 393.350 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí trả trước cho mùa sản xuất tiếp theo	21.047.003.529	9.137.121.374
Chi phí bảo trì tài sản cố định	3.540.076.234	2.673.514.504
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.428.688.543	1.879.423.877
	<b>28.015.768.306</b>	<b>13.690.059.755</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước</b>	<b>Công cụ và dụng cụ</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	-	1.873.410.601	1.873.410.601
Tăng trong năm	121.914.481.260	3.990.805.777	125.905.287.037
Phân bổ trong năm	(1.354.605.347)	(1.456.364.608)	(2.810.969.955)
Số dư cuối năm	<b>120.559.875.913</b>	<b>4.407.851.770</b>	<b>124.967.727.683</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 120.560 triệu VND (1/7/2015: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	206.742.617.584	781.531.789.755	32.990.144.450	10.973.050.832	1.032.237.602.621
Tăng trong năm	272.290.909	501.978.008	39.069.000	489.828.000	1.303.165.917
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	18.241.567.445	48.626.774.314	1.300.476.000	1.749.190.189	69.918.007.948
Thanh lý	-	(93.612.481.712)	(624.906.714)	(32.000.000)	(94.269.388.426)
Xóa sổ	-	(41.735.385)	-	-	(41.735.385)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>225.256.475.938</b>	<b>737.006.324.980</b>	<b>33.704.782.736</b>	<b>13.180.069.021</b>	<b>1.009.147.652.675</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	91.692.871.608	359.296.396.898	12.985.624.889	5.324.096.886	469.298.990.281
Khấu hao trong năm	9.750.211.425	39.900.027.924	2.988.268.980	1.105.697.981	53.744.206.310
Thanh lý	-	(8.682.997.038)	(624.906.714)	(6.933.340)	(9.314.837.092)
Xóa sổ	-	(41.735.385)	-	-	(41.735.385)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>101.443.083.033</b>	<b>390.471.692.399</b>	<b>15.348.987.155</b>	<b>6.422.861.527</b>	<b>513.686.624.114</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	115.049.745.976	422.235.392.857	20.004.519.561	5.648.953.946	562.938.612.340
Số dư cuối năm	123.813.392.905	346.534.632.581	18.355.795.581	6.757.207.494	495.461.028.561

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 139.580 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/7/2015: 113.257 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 484.124 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (1/7/2015: 281.769 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Chi phí phát triển VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	14.759.072.958	2.826.617.042	1.782.191.931	19.367.881.931
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	1.762.423.500	-	-	1.762.423.500
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.521.496.458</b>	<b>2.826.617.042</b>	<b>1.782.191.931</b>	<b>21.130.305.431</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	7.905.915.195	2.678.430.364	542.627.194	11.126.972.753
Khấu hao trong năm	765.967.093	45.339.108	453.120.468	1.264.426.669
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.671.882.288</b>	<b>2.723.769.472</b>	<b>995.747.662</b>	<b>12.391.399.422</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	6.853.157.763	148.186.678	1.239.564.737	8.240.909.178
Số dư cuối năm	7.849.614.170	102.847.570	786.444.269	8.738.906.009

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 2.892 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/7/2015: 2.228 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tăng trong năm và số dư cuối năm	17.560.643.130	42.533.352.370	60.093.995.500
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	292.677.386	708.889.206	1.001.566.592
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối năm	17.267.965.744	41.824.463.164	59.092.428.908

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 59.092 triệu VND (1/7/2015: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**17. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	129.151.868.730	121.495.589.838
Tăng trong năm	55.288.362.806	87.427.435.576
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(69.918.007.948)	(79.001.406.684)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.762.423.500)	(769.750.000)
Số dư cuối năm	112.759.800.088	129.151.868.730

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (*)	39.682.376.555	39.682.376.555
Dự án sản xuất mía đường đặt tại sông Vàm Cỏ (**)	23.512.406.107	23.512.406.107
Xây dựng cơ bản dở dang tại Trụ sở chính	14.293.455.545	43.118.292.657
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nông trường Thành Long	19.611.420.423	13.165.047.891
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Trị An	8.845.623.334	7.705.677.957
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Tây Ninh	829.342.560	1.968.067.563
Xây dựng cơ bản dở dang khác	5.985.175.564	-
	112.759.800.088	129.151.868.730

(\*) Ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng với Brightway Group Co. Ltd để chuyển nhượng dự án này với giá trị chuyển nhượng là 2.026.740 USD và bên mua đã ứng trước 1.621.392 USD cho Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các thủ tục và tài liệu liên quan đến việc bán dự án này chưa được hoàn thành do có sự thay đổi trong các luật và quy định của Campuchia, do đó xây dựng cơ bản dở dang chưa được ghi giảm trên các báo cáo tài chính riêng này và số tiền ứng trước được ghi nhận vào khoản phải trả khác (Thuyết minh 24).

(\*\*) Công ty đang trong quá trình tìm kiếm nhà đầu tư mới để chuyển nhượng dự án này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 19.071 triệu VND (1/7/2015: 5.596 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 312 triệu VND (năm kết thúc ngày 30/6/2015: không).



**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2016					1/7/2015				
	Số lượng	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty con:</b>										
▪ Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa (i)	60.750.000	100%	1.030.726.951.350	-	(*)			-	-	
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang (ii)	4.252.926	94,51%	84.430.816.000	-	(*)			-	-	
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hải Vi (iii)		100%	22.000.000.000	-	(*)		100%	22.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa (iv)	11.760.000	98%	117.600.000.000	-	(*)			-	-	
			<u>1.254.757.767.350</u>	-				<u>22.000.000.000</u>	-	
<b>Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty liên kết:</b>										
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Công (v)	720.000	24,00%	7.200.000.000	-	(*)	720.000	24,00%	7.200.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh (vi)	7.789.310	26,49%	79.450.962.000	-	(*)			-	-	
			<u>86.650.962.000</u>	-				<u>7.200.000.000</u>	-	

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2016					1/7/2015				
	Số lượng	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn dài hạn khác vào các đơn vị khác:</b>										
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương (vii)	1.185.570	13,08%	11.432.286.000	-	(*)	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (viii)	3.853.520	2,08%	55.565.088.034	-	120.229.824.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Thành Thành Công – Gia Lai (vii)	-	-	-	-	-	4.046.196	10,37%	58.262.552.034	(10.922.058.834)	47.340.493.200
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	-	-	-	-	-	750.000	5,00%	9.000.000.000	(1.202.276.411)	(*)
▪ Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa (i)	-	-	-	-	-	400.920	0,66%	4.792.591.350	-	5.412.420.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang (ii)	-	-	-	-	-	313.852	6,97%	5.649.336.000	-	(*)
			66.997.374.034	-				77.704.479.384	(12.124.335.245)	
			1.408.406.103.384	-				106.904.479.384	(12.124.335.245)	

## **Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày báo cáo.

- (i) Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa (“Biên Hòa – Ninh Hòa”) (“trước đây là Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa”) là một công ty được thành lập tại Việt Nam thông qua việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa – Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND cấp bởi Ủy ban Nhân dân Khánh Hòa ngày 10 tháng 11 năm 2005. Sau khi Công ty mua lại 99,34% cổ phần của đơn vị này bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa đã đổi tên và hình thức pháp lý thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Các hoạt động chính của Biên Hòa – Ninh Hòa là sản xuất đường và các phụ phẩm khác từ mía để bán; sản xuất điện để bán; xây dựng các dự án công nghiệp và dân dụng; kinh doanh vật tư nông nghiệp và bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; cung cấp dịch vụ cho thuê kho.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang (“Đường Phan Rang”) (trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005. Trong năm, Công ty đã mua thêm 3.939.074 cổ phiếu của đơn vị này và Đường Phan Rang trở thành một công ty con của Công ty. Các hoạt động chính của Đường Phan Rang là sản xuất và kinh doanh đường và các phụ phẩm khác từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc và sản phẩm nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí đốt; và cung cấp dịch vụ kỹ gửi.
- (iii) Công ty TNHH Một thành viên Hải Vi (“Hải Vi”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 7 năm 2010. Hoạt động chính của công ty là trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón và vật tư nông nghiệp.
- Ngày 16 tháng 9 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 99% vốn góp của Công ty tại Hải Vi. Tại ngày lập báo cáo này, việc chuyển nhượng chưa được hoàn tất.
- (iv) Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa (“Thương mại Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313733213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 4 năm 2016. Hoạt động chính của công ty là kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu, kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống.
- (v) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (“Mía đường Thành Thành Công”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.
- (vi) Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh (“Mía đường Tây Ninh”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900243272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 5 năm 2007. Hoạt động chính của công ty là trồng, chế biến và kinh doanh đường, sắn và cao su.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (vii) Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương (“Mía đường Sơn Dương”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5000122053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21 tháng 9 năm 1998. Trụ sở chính của Mía đường Sơn Dương đặt tại Xã Hào Phú, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường và sản phẩm nông nghiệp.
- (viii) Trong năm, Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh đã phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu của Công ty TNHH Một thành viên Thành Thành Công – Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Mía Đường – Nhiệt điện Gia Lai) để mua lại 100% cổ phần của công ty này với tỷ lệ hoán đổi là 1:1,05. Do đó, khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Mía Đường – Nhiệt điện Gia Lai là 4.046.196 cổ phiếu đã được chuyển đổi thành 3.853.520 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa và Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 1.086.292 triệu VND (1/7/2015: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Biến động các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
Số dư đầu năm	106.904.479.384	101.255.143.384
Tăng đầu tư từ thanh toán bằng tiền trong năm	287.264.728.000	5.649.336.000
Tăng đầu tư từ phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong năm	1.025.934.360.000	-
Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư	(2.697.464.000)	-
Thanh lý	(9.000.000.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.408.406.103.384</b>	<b>106.904.479.384</b>

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
Số dư đầu năm	12.124.335.245	10.112.819.634
Tăng trong năm	5.547.723.589	2.011.515.611
Hoàn nhập trong năm	(10.922.058.834)	-
Sử dụng trong năm	(6.750.000.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>12.124.335.245</b>

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	264.500.810
Chi phí phải trả	1.928.703.378	7.151.191.274
	1.928.703.378	7.415.692.084
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1.928.703.378</b>	<b>7.415.692.084</b>

**20. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>Giá gốc/Số có</b>	<b>Giá gốc/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	109.199.587.055	913.962.878
Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	71.361.579.670	69.305.221.681
Các nhà cung cấp khác	61.842.431.061	48.801.464.693
	242.403.597.786	119.020.649.252
	<b>242.403.597.786</b>	<b>119.020.649.252</b>

**(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngắn hạn	242.403.597.786	119.020.649.252
	<b>242.403.597.786</b>	<b>119.020.649.252</b>

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	109.199.587.055	913.962.878
Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	71.361.579.670	69.305.221.681
Công ty TNHH Một thành viên Hải Vi	13.569.967.663	7.284.113.719
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	1.703.896.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1.264.200.740	-
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	796.169.840	549.425.041
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	115.470.769	-
	<b>198.020.872.537</b>	<b>78.052.723.319</b>

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày đối chiếu thanh toán.

**(d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

Không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 7 năm 2015.

**21. Người mua trả tiền trước**

Trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước từ các bên liên quan	1.534.581.876	370.913.853
	<b>1.534.581.876</b>	<b>370.913.853</b>

Khoản trả trước từ các bên liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Ngân sách Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/7/2015 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	30/6/2016 VND
<b>Thuế</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.355.823.485	40.890.852.207	(51.254.227.220)	4.992.448.472
Thuế giá trị gia tăng	4.737.628.779	50.517.205.697	(55.254.834.476)	-
Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu	-	54.697.801.885	(54.697.801.885)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	434.066.955.836	(434.066.955.836)	-
Thuế thu nhập cá nhân	140.474.554	3.592.707.118	(3.607.154.048)	126.027.624
Thuế tiêu thụ đặc biệt	32.414	26.607.360	(26.639.774)	-
Các loại thuế khác	5.108.400	2.012.706.169	(2.013.796.977)	4.017.592
	20.239.067.632	585.804.836.272	(600.921.410.216)	5.122.493.688

**(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/7/2015 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	30/6/2016 VND
<b>Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại</b>				
Thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác	951	200.762.686	-	200.763.637

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí vận chuyển	1.222.558.408	257.600.000
Chi phí lãi vay	5.437.797.428	1.352.989.796
Chi phí hỗ trợ bán hàng	6.443.055.152	4.492.793.057
Mua đường nhập khẩu	-	61.849.665.630
Xây dựng cơ bản dở dang	-	9.732.856.537
Chi phí khác	4.942.427.265	5.721.497.295
	<b>18.045.838.253</b>	<b>83.407.402.315</b>

**24. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cho Brightway Group Co., Ltd (*)	33.172.706.250	33.172.706.250
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	3.917.392.948	3.917.392.948
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.450.175.000	683.175.000
Cổ tức phải trả	1.782.798.900	1.745.210.200
Chi phí lương và công tác phí cho nhân viên bán hàng	2.112.986.157	1.073.913.713
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải trả cho nông dân trồng mía	326.439.185	298.078.406
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	667.873.898	911.977.763
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	648.611.625	692.750.000
Các khoản phải trả khác	7.941.651.106	3.805.318.379
	<b>57.020.635.069</b>	<b>46.300.522.659</b>

(\*) Khoản phải trả cho Brightway Group Co., Ltd thể hiện khoản trả trước của Brightway Group Co., Ltd để chuyển nhượng dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (Thuyết minh 17).



**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Vay và trái phiếu phát hành**

**(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn**

	1/7/2015		Biến động trong năm		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.074.954.379.975	1.074.954.379.975	3.566.057.547.833	(3.129.989.272.244)	1.511.022.655.564	1.511.022.655.564
Vay dài hạn đến hạn trả	36.378.969.415	36.378.969.415	30.100.348.907	(43.085.336.683)	23.393.981.639	23.393.981.639
Trái phiếu thường đáo hạn trong vòng 12 tháng	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000
	<u>1.111.333.349.390</u>	<u>1.111.333.349.390</u>	<u>3.696.157.896.740</u>	<u>(3.173.074.608.927)</u>	<u>1.634.416.637.203</u>	<u>1.634.416.637.203</u>

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/7/2015 VND</b>
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	644.946.400.045	257.484.978.534
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	VND	32.618.212.959	43.853.711.674
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)	VND	160.834.936.032	34.081.070.000
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	VND	99.448.669.652	51.737.418.415
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh (e)	VND	279.698.206.982	292.095.480.743
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa (f)	VND	51.596.232.568	57.935.351.615
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (g)	VND	141.184.013.449	86.346.113.344
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (h)	VND	54.689.824.271	45.000.000.000
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Hà Nội (h)	VND	44.955.011.263	17.243.531.650
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	VND	1.051.148.343	-
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	USD	-	132.722.964.000
▪ Khoản vay 12 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	-	56.453.760.000
		<hr/>	
		1.511.022.655.564	1.074.954.379.975
		<hr/>	

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt là từ 5,2% đến 6,8% (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 5,2% đến 6,0%) và 2,5% (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 2,5%) trong năm.

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 800.000 triệu VND (1/7/2015: 500.000 triệu VND). Khoản vay này, cùng với khoản vay 3, khoản vay 4, khoản vay 5 (Thuyết minh 25(b)(i)), được bảo đảm bằng nhà cửa và vật kiến trúc với giá trị còn lại là 68.502 triệu VND, máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 196.716 triệu VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 17.928 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/7/2015: quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 1.002 triệu VND, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 214.376 triệu VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 2.740 triệu VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 44.680 triệu VND hoặc 2 triệu USD (1/7/2015: 65.340 triệu VND hoặc 3 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 44.680 triệu VND (1/7/2015: 98.010 triệu VND).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 268.080 triệu VND hoặc 12 triệu USD (1/7/2015: 261.360 triệu VND hoặc 12 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ mỗi loại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 167.550 triệu VND (1/7/2015: 163.350 triệu VND).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120.000 triệu VND (1/7/2015: 120.000 triệu VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 100.000 triệu VND (1/7/2015: 100.000 triệu VND).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (1/7/2015: 300.000 triệu VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho và khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 với giá trị ghi sổ lần lượt là 130.000 triệu VND và 97.828 triệu VND (1/7/2015: 130.000 triệu VND và 30.825 triệu VND). Ngoài ra các quyền nhận tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế đã ký kết với Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam mà vẫn còn hiệu lực thi hành và các hợp đồng kinh tế sẽ ký kết cho tới ngày đáo hạn của khoản vay này, cũng được dùng để thế chấp cho khoản vay này.
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (1/7/2015: 60.000 triệu VND) và được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VND (1/7/2015: 100.000 triệu VND) và được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 111.700 triệu VND hoặc 5 triệu USD (1/7/2015: 108.900 triệu VND hoặc 5 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng các khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 50.000 triệu VND (1/7/2015: 50.000 triệu VND).
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.530 triệu VND hoặc 4,5 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 100.530 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn**

	<b>30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/7/2015</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	131.079.838.500	103.420.129.194
Trái phiếu thường (ii)	500.000.000.000	-
	<hr/> 631.079.838.500	<hr/> 103.420.129.194
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng	(123.393.981.639)	(36.378.969.415)
	<hr/> 507.685.856.861	<hr/> 67.041.159.779

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/7/2015</b> <b>VND</b>
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	2018	11.038.521.968	14.718.029.289
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh (b)	VND	2020	7.242.998.200	9.255.969.000
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (c)	VND	2017	6.924.386.602	18.182.701.572
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	VND	2018	6.138.120.640	8.594.120.640
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (e)	VND	2018	5.216.121.768	7.775.298.684
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (f)	VND	2022	14.519.689.322	14.428.720.716
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (g)	VND	2023	80.000.000.000	-
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND		-	2.400.000.000

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/7/2015 VND</b>
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND		-	849.825.000
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND		-	4.803.185.030
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai	VND		-	3.645.442.356
▪ Khoản vay 12 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai	VND		-	18.766.836.907
			131.079.838.500	103.420.129.194
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng			(23.393.981.639)	(36.378.969.415)
Hoàn trả sau mười hai tháng			107.685.856.861	67.041.159.779

Các khoản vay chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 9,5% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: từ 3,9% đến 10,0%).

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 51.513 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ được hoàn trả trong 3 kỳ hàng năm bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.680 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 20 tháng 9 năm 2018.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30.195 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ được hoàn trả trong 7 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.006 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 198 triệu VND vào ngày 15 tháng 4 năm 2020.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 25(a)), khoản vay 4 và khoản vay 5 (Thuyết minh 25(b)(i)). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ được hoàn trả trong 3 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.021 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 863 triệu VND vào ngày 26 tháng 6 năm 2017.
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.708 triệu VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 25(a)), khoản vay 3 và khoản vay 5 (Thuyết minh 25(b)(i)). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ được hoàn trả trong 9 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 614 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 612 triệu VND vào ngày 22 tháng 10 năm 2018.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.236 triệu VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 25(a)), khoản vay 3 và khoản vay 4 (Thuyết minh 25(b)(i)). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ được hoàn trả trong 8 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 640 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 97 triệu VND vào ngày 5 tháng 9 năm 2018.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 26.000 triệu VND và được bảo đảm bằng máy móc thiết bị với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 25.582 triệu VND (1/7/2015: không) và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 1.143 triệu VND (1/7/2015: 2.857 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ được hoàn trả trong 11 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.206 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 1.152 triệu VND vào ngày 8 tháng 1 năm 2022.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 217.681 triệu VND và được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất trong chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 120.560 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ được hoàn trả trong 24 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.333 triệu VND. Kỳ trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 26 tháng 3 năm 2023.

**(ii) Trái phiếu thường**

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/7/2015 VND</b>
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá:					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	Chi phí huy động vốn + 2,75%	2021	500.000.000.000	-
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				(100.000.000.000)	-
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				400.000.000.000	-

Trái phiếu này được bảo đảm bằng bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 59.092 triệu VND, máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 193.324 triệu VND, đầu tư tài chính dài hạn với giá trị ghi sổ là 1.086.292 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ được hoàn trả trong 5 kỳ hàng năm bằng nhau, mỗi kỳ trả 100 tỷ VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 27 tháng 5 năm 2021.

**26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
Số dư đầu năm	5.990.756.991	6.134.615.866
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối	32.789.994.943	5.318.202.499
Sử dụng quỹ trong năm	(17.029.247.228)	(5.462.061.374)
Số dư cuối năm	21.751.504.706	5.990.756.991

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 – như đã trình bày trước đây</i>	629.949.180.000	39.817.240.000	107.083.910.486	32.982.192.758	46.110.055.661	855.942.578.905
<i>Phân loại lại (Thuyết minh 44)</i>	-	-	32.982.192.758	(32.982.192.758)	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 – Đã phân loại lại</b>	629.949.180.000	39.817.240.000	140.066.103.244	-	46.110.055.661	855.942.578.905
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	97.939.764.574	97.939.764.574
Cổ tức	-	-	-	-	(31.497.459.000)	(31.497.459.000)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.431.835.416	-	(4.431.835.416)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.318.202.499)	(5.318.202.499)
Trích tiền thưởng cho Ban giám đốc	-	-	-	-	(2.616.781.959)	(2.616.781.959)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015 – Đã phân loại lại</b>	629.949.180.000	39.817.240.000	144.497.938.660	-	100.185.541.361	914.449.900.021
Phát hành cổ phiếu	665.162.800.000	421.895.460.000	-	-	-	1.087.058.260.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	175.204.381.660	175.204.381.660
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(61.671.999.000)	(61.671.999.000)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.793.976.457	-	(9.793.976.457)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(32.789.994.943)	(32.789.994.943)
Thưởng cho Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Phân bổ vào kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	1.295.111.980.000	461.712.700.000	154.291.915.117	-	164.133.952.621	2.075.250.547.738

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/7/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá</b>				
Cổ phiếu phổ thông	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá</b>				
Cổ phiếu phổ thông	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2016		Năm kết thúc 30/6/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu phát hành trong năm để mua lại một công ty con (i)	60.349.080	603.490.800.000	-	-
Cổ phiếu phát hành trong năm bằng tiền (ii)	6.167.200	61.672.000.000	-	-
Số dư cuối năm	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2014, các cổ đông đã phê duyệt cho Công ty mua lại cổ phiếu phổ thông Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa với tỷ lệ hoán đổi là 1:1. Giá trị thị trường của 60.349.080 cổ phiếu phổ thông phát hành tại ngày 31 tháng 10 năm 2015 cho việc mua lại được xác định bằng cách tham chiếu tới giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 10 năm 2015.
- (ii) Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 28 tháng 12 năm 2015 đã phê duyệt phát hành 6.167.200 cổ phiếu theo mệnh giá cho nhân viên của Công ty theo lựa chọn của họ. Ngày 16 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phát hành cổ phiếu cho nhân viên của Công ty.

Nghị quyết ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty bằng cách phát hành 38.853.359 cổ phiếu phổ thông từ thặng dư vốn cổ phần và chào bán 129.511.198 cổ phiếu phổ thông cho Cổ đông hiện hữu. Tại ngày báo cáo này, việc phát hành thêm này chưa được hoàn tất.



**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Cổ tức**

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 7 tháng 12 năm 2015 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 61.672 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 31.497 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu).

**30. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**31. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.992.203.835	2.864.200.127
Từ hai đến năm năm	10.846.890.863	7.409.597.587
Sau năm năm	59.938.106.161	58.041.847.761
	<hr/>	<hr/>
	74.777.200.859	68.315.645.475
	<hr/>	<hr/>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	205.205.820.197	29.997.550.430
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	17.378.737.113	-
	<hr/>	<hr/>
	222.584.557.310	29.997.550.430
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ các bên khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ các bên khác	12.380.131.533	33.046.998.148

**(d) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2016</b>		<b>1/7/2015</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	18.118	403.495.876	2.628	57.235.009
EUR	250	6.177.750	250	6.065.000
		409.673.626		63.300.009

**(e) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<b>Năm xóa sổ</b>	<b>30/6/2016</b>	<b>1/7/2015</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ khách hàng	Trước 2006	758.295.202	758.295.202
Phải thu từ khách hàng	2006	203.769.039	203.769.039
Phải thu từ khách hàng	2007	1.034.299.060	1.034.299.060
Phải thu từ nông dân trồng mía	2009	70.095.481	70.095.481
Phải thu từ khách hàng	2011	164.641.794	164.641.794
Phải thu từ nông dân trồng mía	2012	7.881.573.485	8.349.337.900
Phải thu từ khách hàng	2014	46.300.961	46.300.961
		10.158.975.022	10.626.739.437

**(f) Bảo lãnh phát hành**

Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của một công ty con với số tiền bảo lãnh tối đa là 6 triệu USD. Công ty sẽ có rủi ro tín dụng nếu công ty con không trả được các khoản vay.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty cũng đã ký một bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho một bên thứ ba cho việc thực hiện đến hạn, đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ của một nhà cung cấp của Công ty, cũng là một khách hàng của Công ty, bất cứ hình thức nào, phát sinh theo và liên quan đến tất cả các hợp đồng hiện tại và tương lai giữa nhà cung cấp/khách hàng của Công ty và bên thứ ba này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc tin rằng không có nghĩa vụ bảo lãnh nào phát sinh liên quan đến bảo lãnh này.

**32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>Tổng doanh thu</b>		
▪ Bán hàng	4.089.833.454.592	2.979.689.807.854
▪ Cung cấp dịch vụ	11.238.206.032	15.036.861.257
	<hr/>	<hr/>
	4.101.071.660.624	2.994.726.669.111
	<hr/>	<hr/>
<b>Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
▪ Chiết khấu thương mại	(17.550.158.073)	(5.243.282.561)
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.902.918.113)	(7.410.310.569)
▪ Giảm giá hàng bán	(230.745.429)	(1.303.745.142)
	<hr/>	<hr/>
	(21.683.821.615)	(13.957.338.272)
	<hr/>	<hr/>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.079.387.839.009</b>	<b>2.980.769.330.839</b>
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	3.605.558.492.958	2.628.686.468.794
▪ Dịch vụ đã cung cấp	5.756.677.619	8.051.696.254
	3.611.315.170.577	2.636.738.165.048

**34. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	915.491.794	410.961.667
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	9.426.693.025	17.531.327.352
Lãi từ trả trước cho người bán và cho các đơn vị khác vay	22.285.220.974	19.018.959.713
Lãi từ tiền thanh toán chậm của khách hàng	2.959.532.965	5.717.951.690
Thu nhập cổ tức	627.704.000	2.223.558.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	825.934.329	2.961.042.476
	37.040.577.087	47.863.800.898

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Chi phí tài chính**

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
Chi phí lãi vay	74.907.916.977	67.197.422.177
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.547.723.589	2.011.515.611
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(10.922.058.834)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.010.727.789	5.679.961.211
Chi phí khác	2.974.173.650	20.750.000
	<hr/>	<hr/>
	81.518.483.171	74.909.648.999

**36. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	35.237.936.677	25.877.048.330
Công cụ và dụng cụ	1.230.314.081	2.291.785.187
Khấu hao và phân bổ	1.989.375.837	1.260.318.557
Chi phí vận chuyển	42.420.635.197	29.992.130.917
Chi phí hỗ trợ bán hàng	11.212.920.005	13.737.693.848
Chi phí khác	7.129.288.640	8.319.014.422
	<hr/>	<hr/>
	99.220.470.437	81.477.991.261

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	62.104.959.758	60.236.853.157
Công cụ và dụng cụ	2.635.514.490	5.672.075.857
Văn phòng phẩm	1.485.383.712	1.476.171.251
Khấu hao và phân bổ	5.271.868.065	3.620.767.014
Thuế và lệ phí	551.167.468	10.122.237
Dự phòng phải thu khó đòi	2.752.539.659	3.229.922.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.721.960.106	16.662.664.082
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.121.375.000	1.208.354.839
Chi phí khác	15.164.188.957	21.254.606.566
	<b>106.808.957.215</b>	<b>113.371.537.738</b>

**38. Thu nhập khác**

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND Đã phân loại lại</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	5.767.068.309	529.673.126
Tiền thu được từ các khoản phải thu khó đòi đã xóa sổ	398.819.886	123.553.051
Bồi thường nhận được	210.591.219	2.477.800.000
Thu nhập khác	129.471.897	865.748.480
	<b>6.505.951.311</b>	<b>3.996.774.657</b>

**39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.211.211.203.210	2.441.895.558.405
Chi phí nhân công và nhân viên	163.112.571.466	147.923.443.901
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.010.199.571	50.837.422.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.398.139.961	60.995.123.998
Chi phí khác	70.077.520.332	79.364.101.567

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**40. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	38.600.115.747	34.961.120.858
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.290.736.460	-
	40.890.852.207	34.961.120.858
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	5.486.988.706	(7.415.692.084)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	46.377.840.913	27.545.428.774

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	221.582.222.573	125.485.193.348
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	46.532.266.740	27.606.742.537
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	433.512.082	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	380.153.939	427.868.997
Thu nhập không chịu thuế	(515.949.836)	(489.182.760)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(2.742.878.472)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.290.736.460	-
	46.377.840.913	27.545.428.774

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015 và mức này đã giảm xuống còn 20% từ năm 2016 trở đi.

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo các điều khoản của Nghị định 12/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015, thu nhập từ hoạt động chế biến trong đó tỷ lệ của nguyên vật liệu là nông sản trên tổng chi phí sản xuất bằng hoặc lớn hơn 30% và thành phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được tính theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

**41. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư**

	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
Phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty để mua một công ty con	1.025.934.360.000	-
Trích trước chi phí phát hành cổ phiếu phổ thông	67.100.000	-
Cần trừ tiền mua mía với trả trước cho nông dân trồng mía	106.660.532.126	162.681.345.520
Cần trừ tiền mua mía với lãi phải thu từ nông dân trồng mía	9.440.751.168	18.020.689.765
Chi phí khấu hao được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	1.354.605.347	-
Mua xây dựng cơ bản dở dang đã mua nhưng chưa thanh toán	-	13.229.845.304

**42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Năm kết thúc 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc 30/6/2015 VND</b>
<b>Các cổ đông</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công</b>		
Bán hàng hóa	181.841.388.596	168.349.548.295
Mua hàng hóa và dịch vụ	49.023.256.139	6.781.116.600
Cho vay	-	271.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	3.090.574.632	15.829.830.351
Vay	-	40.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	292.850.000
Mua cổ phiếu	3.599.036.000	6.183.836.000
Phân phối cổ tức	14.048.494.000	9.194.986.000



**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
<b>Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	619.232.675.027	79.048.383.436
Mua hàng hóa và dịch vụ	469.329.461.318	1.649.137.245
Phân phối cổ tức	10.465.910.000	13.630.296.000
<b>Tổng Công ty Mía Đường II – Công ty TNHH Một thành viên</b>		
Phân phối cổ tức	-	7.734.143.000
<b>Công ty Cổ phần Điện Gia Lai</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.564.574.173	-
Phân phối cổ tức	-	5.278.600.000
<b>Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	14.062.337.945	13.113.339.984
Phân phối cổ tức	5.042.686.000	2.193.590.000
Thu nhập lãi cho vay	436.273.495	4.891.470.000
Bán hàng hóa	85.068.000	547.619
Mua cổ phiếu	3.599.036.000	-
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Một thành viên Hải Vi</b>		
Mua mía nguyên liệu	14.765.846.022	12.773.267.087
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.303.217.366	912.093.923
Bán mía giống	-	5.054.582.923
<b>Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa</b>		
Bán hàng hóa	40.428.348.914	16.064.996
Bán tài sản cố định	92.174.394.703	298.000.000
Mua hàng hóa	834.355.745.828	622.895.650.999
Thu nhập cổ tức	-	200.460.000
Phân phối cổ tức	-	116.648.000
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	2.307.092.982	431.027.777
<b>Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang</b>		
Bán hàng hóa	4.844.226.259	340.983.357
Bán tài sản cố định	116.980.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	105.396.686.972	132.604.740.182
Thu nhập cổ tức	627.704.000	-
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	141.935.996	2.036.454.571

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	266.571.038.829	120.363.535.485
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	-	1.591.101.533
Bán hàng hóa và dịch vụ	16.388.513.678	13.655.673.321
Bán tài sản cố định	-	136.363.636
Cho vay	80.000.000.000	-
Thu nhập tiền lãi	4.875.899.086	-
<b>Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công</b>		
Bán hàng hóa	1.287.904	4.688.381
Mua hàng hóa và dịch vụ	495.100.000	683.324.681
Bán tài sản cố định	-	324.846.363
Thu nhập tiền lãi	-	-
<b>Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre</b>		
Bán hàng hóa	3.367.171.711	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.268.334.977	22.711.470.285
Thu nhập tiền lãi	6.202.083.338	3.525.145.449
<b>Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh</b>		
Mua hàng hóa	30.000.000	-
<b>Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	1.121.375.000	1.303.169.354
Tiền lương và thưởng	5.181.869.084	6.600.743.811

### 43. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, Công ty áp dụng Thông tư 200 kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2015. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(a) Bảng cân đối kế toán riêng**

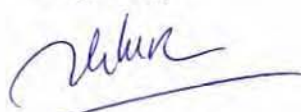
	<b>1/7/2015</b> <b>VND</b> <b>(đã phân loại</b> <b>lại)</b>	<b>1/7/2015</b> <b>VND</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	82.921.461.456
Phải thu về cho vay ngắn hạn	77.921.461.456	-
Phải thu ngắn hạn khác	13.791.619.557	10.799.273.958
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.564.691.671
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.572.346.072	-
Trả trước cho người bán dài hạn	17.648.398.812	-
Phải thu dài hạn khác	10.000.000	17.648.398.812
Tài sản dài hạn khác	-	10.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	35.198.110.466
Quỹ đầu tư phát triển	144.497.938.660	109.299.828.194

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>Năm kết thúc</b> <b>30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>(đã phân loại</b> <b>lại)</b>	<b>Năm kết thúc</b> <b>30/6/2015</b> <b>VND</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.994.726.669.111	2.994.850.531.579
Các khoản giảm trừ doanh thu	13.957.338.272	14.081.200.740
Thu nhập khác	3.996.774.657	8.252.066.941
Chi phí khác	647.370.000	4.902.662.284

Ngày 23 tháng 9 năm 2016

Người lập:



**Đỗ Thị Thùy Tiên**  
*Kế toán tổng hợp*

Người duyệt:



**Nguyễn Minh Tín**  
*Kế toán trưởng*




**Trần Quế Trang**  
*Tổng Giám đốc*